TAND HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **53**/2022/HS - ST
Ngày 13/6 /2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Cáchiếuội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương M Côn.
2. Ông Phan Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2022/TLST - HS ngày 28/4/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST - HS ngày 30/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **ĐẶNG VĂN C**, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 06/12. Bố: Đặng Văn T, đã chết; Mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1938. Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ 8 trong gia đình. Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2011;

Tiền án 01. Tại bản án số 22/HSST ngày 14/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Đặng Văn C 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "*Đánh bạc*, phạm tội trong thời gian thử thách. Bản án chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2022 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Có mặt tại phiên tòa*.

2. Họ và tên: **TRẦN M P,** sinh ngày 08 tháng 10 năm 2002;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 10/12. Bố: Trần Văn N, sinh năm 1962; Mẹ:

Đặng Thị C, sinh năm 1969. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình. Vợ con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

3. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN T**, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Bố: Dương Văn Tưởng, sinh năm 1972. Mẹ: Đặng Thị Sáu, sinh năm 1972. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

4. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN T1**, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Bố: Đỗ Văn C, sinh năm 1968; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Bùi Thị T, sinh năm 1993; Có 02 con. Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

5. Họ và tên: **NGUYỄN VIẾT H**, sinh ngày 18 tháng 02 năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 09/12. Bố: Nguyễn Viết H, sinh năm 1961; Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Vợ con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

6. Họ và tên: **LỖ VĂN C**, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Q, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Bố: Lỗ Văn C, sinh năm 1962; Mẹ: Dương Thị

T, sinh năm 1962; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1989; Có 02 con. Lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

7. Họ và tên: **NGUYỄN KHẮC Q**, sinh ngày 15tháng 8 năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Bố: Nguyễn Khắc C, sinh năm 1969; Mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Vợ con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

8. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN M**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1978;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm chè; Trình độ văn hoá: 10/12. Bố: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1951; Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1951. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Vợ: Lê Thị Q, sinh năm 1981; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/02/2022 đến ngày 06/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa*.

*** Người có QLNVLQ + làm chứng**: Bà Đặng Thị C1, sinh năm 1969. Trú tại: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt)*.

*** Người chứng kiến**: Ông Đỗ Gia K, sinh năm 1960. Trú tại: xóm P, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 03/02/2022 Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã P làm nhiệm vụ đã phát hiện một nhóm đối tượng đang bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền tại nhà bà Đặng Thị C1, Sinh năm 1969, Trú tại: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, Thái Nguyên, gồm: DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Viết H, Nguyễn Khắc Q, Đặng Văn C, DƯƠNG VĂN T1, Trần Minh P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M. Tổ công tác đã lập biên bản

bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc: 5.920.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân,01 chiếc chiếu mành màu nâu; Thu tại gầm ghế bàn uống nước cách chiếu bạc khoảng 02 mét số tiền 400.000 đồng; Thu giữ tại nền buồng ngủ cách chiếu bạc khoảng 2,8 mét số tiền 50.000 đồng; Thu tại bậc thềm lên nhà C1h cách chiếu bạc khoảng 04 mét số tiền 590.000 đồng; Thu trên người P, M, H tổng số tiền 4.995.000 đồng (Trong đó thu của Plà 1.115.000 đồng; của M là 3.700.000 đồng, của H là 180.000 đồng) đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng, đối tượng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Viết H, Nguyễn Khắc Q, Đặng Văn C, DƯƠNG VĂN T1, Trần M P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M cùng khai nhận như sau: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 03/02/2022 (ngày mồng 3 tết nguyên đán) DƯƠNG VĂN T, H, Q, C, DƯƠNG VĂN T1 đến nhà Pchơi (Plà con của bà Đặng Thị C1). Tại nhà P06 đối tượng đã cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền, tất cả cùng đồng ý. DƯƠNG VĂN T1 chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân dùng làm công cụ đánh bạc, sau đó các đối tượng ngồi lên chiếc chiếu mành màu nâu chải trên giường kê ở sân nhà bà C1 để đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày bà C1 đi chơi về thấy các đối tượng ngồi đánh bạc ở sân nhà mình thì bà C1 có ngăn cản, không cho các đối tượng đánh bạc rồi bà C1 đi vào trong nhà nằm nghỉ. DƯƠNG VĂN T, P, C, H, Q, DƯƠNG VĂN T1 tiếp tục đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì có C đến cùng tham gia đánh bạc, đánh bạc đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày thì M đến cùng tham gia chơi đánh bạc. Khi các đối tượng đang đánh bạc đến khoảng 21 giờ 50 phút bà C1 ngủ dậy tiếp tục ngăn cản các đối tượng không được đánh bạc thì Tổ công tác Công an huyện Đại Từ và Công an xã P, huyện Đại Từ, tuần tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Về hình thức đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng: Các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, chia lần lượt mỗi người 03 quân bài theo chiều kim đồng hồ, trước mỗi ván người chơi đặt tiền cược "Gà" là 10.000 đồng, sau khi chia bài xong người chia bài (là người cầm cái) được quyền "tố" đầu tiên (đặt thêm tiền cược), quy định mỗi lần "tố" ít nhất là 20.000 đồng, nhiều nhất là 50.000 đồng, mỗi người được "tố" hai lần, ai không theo thì úp bài sẽ thua số tiền "Gà", ai "tố" theo mà thua thì bị mất cả tiền "Gà" và tiền "tố" theo. Người thắng ván bài là người "tố" nhưng không có ai theo hoặc thắng bằng cách tính điểm, người thắng sẽ được tiền "Gà" và tiền những người chơi khác "tố" thêm. Cách thức so bài thắng thua như sau: Người có 03 quân bài giống nhau thì được gọi là "Sáp"; 03 quân bài liên tiếp sẽ được gọi là "Liêng"; 03 quân bài chỉ có các quân J, Q, K thì được gọi là "Ảnh". "Sáp" là lớn nhất, sau đó đến "Liêng" và đến "Ảnh". Khi bài không có "Sáp", "Liêng", "Ảnh" thì sẽ tính điểm. Cách tính điểm là: 3 quân bài cộng lại theo quy ước: Các quân bài từ A đến 9 được tính theo thang điểm từ 1 đến 9; các quân bài 10, J, Q, K được tính là không có điểm. Khi tính điểm thì 09 điểm là cao nhất.

Quá trình đánh bạc H mang theo số tiền 680.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn lại 180.000 đồng cất trong người và không sử

dụng để đánh bạc; C sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc; DƯƠNG VĂN T sử dụng 1.160.000 đồng để đánh bạc; DƯƠNG VĂN T1 sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc bị thua còn lại 50.000 đồng khi bị bắt quả tang đã ném xuống mặt nền sân giáp buồng ngủ của bà C1; Q sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc đang thua còn lại 590.000 đồng khi bị bắt quả tang đã ném ở bậc thềm sân nhà bà C1; C sử dụng 1.000.000 đồng để đánh nhiều ván bạc; Pcó 2.115.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc còn lại 1.115.000 đồng cất trong người không sử dụng để đánh bạc, quá trình đánh bạc đang thua còn lại 400.000 đồng khi bị phát hiện bắt quả tang đã ném vào gầm ghế bàn uống nước; M mang theo số tiền 4.000.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, còn lại 3.700.000 đồng cất trong người và không sử dụng để đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc trong ngày 03/02/2022 là 6.960.000 đồng (*Sáu triệu C1 trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án là: 6.960.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra khi bắt quả tang còn thu giữ 3.700.000 đồng của M; 180.000 đồng của Hiếu ; 1.115.000 đồng của P, số tiền này M, H, Pcất trên người không sử dụng đánh bạc; 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu mành hiện đang được bảo quản, lưu giữ tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Tại cáo trạng số 52/CT - VKS ngày 28/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Viết H, Nguyễn Khắc Q, Đặng Văn C, DƯƠNG VĂN T1, Trần M P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M phạm tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị HĐXX *áp dụng:* khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS (đối với các bị cáo T, H, Q, T1, P, C, M); *áp dụng:* khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38;53;56 và khoản 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo C. *Xử phạt:* các bị cáo T, H, Q, T1, P, C, M *mỗi* bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. *Xử phạt* bị cáo C mức án từ 09 đến 12 tháng tù, chuyển và tổng hợp với 09 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 22/2021/HS - ST ngày 14/4/2021, buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án. Phạt bổ sung các bị cáo P, T, Q, T1, C, M mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng; Miễn hình phạt bổ sung và án phí HSST cho các bị cáo C và H. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận. Thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan; nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại

Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thựchiếuiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc k H nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, cáchiếuành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thựchiếuiện đều hợp pháp.

{2.}Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ diễn biến, hành vi nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người người làm chứng, chứng kiến; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 03/02/2022 tại nhà bà Đặng Thị C1, thuộc: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Viết H, Nguyễn Khắc Q, Đặng Văn C, DƯƠNG VĂN T1, Trần M P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M đang đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ và Công an xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 6.960.000 đồng cùng một số vật chứng có liên quan. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 321 Bộ luật hình sự.

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất hành vi đánh bạc của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi đến gia đình Đặng Thị C1 chơi và gặp P(con trai C1), các bị cáo đã tự rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh LIÊNG được thua bằng tiền; không có sự rủ rê, lôi kéo, tổ chứchiếuay súi dục người khác đánh bạc; không cho vay, cầm cố hoặc thu tiền đánh bạc; số tiền đánh bạc không lớn, đủ định lượng cấu thành tội phạm nên các bị cáo đều có vai trò đồng phạm giản đơn như nhau là người thựchiếuiện hành vi "*Đánh bạc"*.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Viết H, Nguyễn Khắc Q, DƯƠNG VĂN T1, Trần M P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và đều đượchiếuưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 BLHS là: *"Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo"*; bị cáo C đượchiếuưởng 01 tình tiết giảm nhẹ là "*người phạm tội thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

{5}. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: cơ bản các bị cáo đều được sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đủ nhận thức về các việc làm đúng sai của bản thân; cơ bản các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự hoặc đều chưa bị xử phạt về hành vi vi phạm pháp luật (trừ bị cáo C phạm tội trong thời gian thử thách). Tuy nhiên, do ham chơi và coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thựchiếuiện hành vi phạm tội.

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy. Các bị cáo đều là những người lao động bình thường, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều chưa có tiền án, tiền sự (trừ bị cáo C), phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số lượng tiền tham gia đánh bạc đủ định lượng cấu thành tội phạm; đều có động cơ, mục đích phạm tội là người thựchiếuiện; đều thựchiếuiện hành vi đánh bạc với vai trò đồng phạm giản đơn; không có tính tổ chức, súi dụchiếuay lôi kéo, dụ dỗ người khác phạm tội. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, HĐXX cần cân nhắc, xem xét để có mứchiếuình phạt cho phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm M của pháp luật vừa đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, cần phạt các bị cáo một khoản tiền theo quy định để sung quỹ Nhà nước. Xem xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (có các bị cáo Đặng Văn C, Nguyễn Viết H thuộchiếuộ nghèo năm 2022).

{7}.Về vật chứng vụ án + Trách nhiệm dân sự có liên quan:

+ 6.960.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc. Xác định là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ;

+ Số tiền 3.700.000 đồng thu giữ của M; 180.000 đồng thu giữ của Hiếu; 1.115.000 đồng thu giữ của P, số tiền này M, H, Pcất trên người không sử dụng đánh bạc. Xác định không liên quan đến vụ án cần trả lại cho các bị cáo nhưng cần được tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

+ 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu mành. Bộ bài là công cụ phương tiện phạm tội; chiếu mành là tài sản của bà Đặng Thị C1. Do đều không còn giá trị sử dụng và không yêu cầu được nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{9}. Các nội dung có liên quan khác: Liên quan đến vụ án còn có bà Đặng Thị C1 quá trình điều tra xác định ban đầu các đối tượng đánh bạc tại nhà bà C1 thì bà C1 không biết. Khi bà C1 về nhà thấy các đối tượng đánh bạc đã can ngăn không đồng ý để các đối tượng đánh bạc sau đó bà C1 đi ngủ khi tỉnh dậy bà C1 đi ra sân thấy các đối tượng vẫn đánh bạc nên tiếp tục can ngăn nhắc nhở không cho đánh bạc đồng thời Tổ công tác Công an huyện Đại Từ và Công an xã P phát hiện bắt quả tang chiếu bạc, bà C1 không tham gia đánh bạc nên bà C1 không đồng phạm với các đối tượng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ không xem xét xử lý đối với bà C1.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Minh P, DƯƠNG VĂN T1, DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Viết H, Nguyễn Khắc Q, Đặng Văn C, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M** phạm tội "*Đánh bạc*";

- **Áp dụng**: khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt:

1. bị cáo **Trần Minh P 08** (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **16** (*mười sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. bị cáo **DƯƠNG VĂN T1 08** (*tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **16** (*mười sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. bị cáo **DƯƠNG VĂN T 07** (*bẩy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **14** (*mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. bị cáo **Nguyễn Viết H 07** (*bẩy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **14** (*mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. bị cáo **Nguyễn Khắc Q 07** (*bẩy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **14** (*mười bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. bị cáo **Lỗ Văn C 06** (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. bị cáo **Nguyễn Văn M 06** (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã P, huyện Đại Từ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C1h quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thựchiếuiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thựchiếuiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

- **Áp dụng**: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; 53; 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

+ Xử phạt: bị cáo **Đặng Văn C 09** (*C1*) tháng tù. Chuyển **09** (*C1*) tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 22/2021/HS - ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thành án giam. Tổng hợp và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **18** (*mười tám*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam theo bản án số 22/2021/HS - ST ngày 14/4/2021 từ ngày 05/01/2021 đến ngày 11/01/2021. Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2022.

**** Về hình phạt bổ sung*:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS;

+ Phạt bổ sung các bị cáo DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Khắc Q, DƯƠNG VĂN T1, Trần M P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M, mỗi bị cáo 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

+ Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Đặng Văn C và Nguyễn Viết H.

**** Về vật chứng*:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 6.960.000 đồng;

+ Trả lại Số tiền 3.700.000 đồng cho bị cáo M; 180.000 đồng cho bị cáo H; 1.115.000 đồng cho bị cáo Pnhưng đều được tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếu mành.

(*Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ - VKSĐT ngày 28/4/2022 của VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cùng các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo*).

**** Về án phí***: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo DƯƠNG VĂN T, Nguyễn Khắc Q, DƯƠNG VĂN T1, Trần M P, Lỗ Văn C, Nguyễn Văn M, ***mỗi*** bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST sung công quỹ Nhà nước. Miễn án phí HSST cho các bị cáo Đặng Văn C và Nguyễn Viết H.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tỉnh + huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- THAHS + THADS Đại Từ;
- Bị cáo + Người có QLNVLQ;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ + VT.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên